

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 176/2026/KDTM-ST

Ngày: 01-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2026/TLST-KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 759/2026/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2026/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2); Địa chỉ trụ sở: Số H, đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, ông Huỳnh Thiên P; Cùng địa chỉ: Tầng A, số I, đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2025. (Ông V có mặt, ông P vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: Số B đường T, khu phố B cũ, nay là đường P, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, CCCD 089078000430, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số B đường T, khu phố B cũ, nay là đường P, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, CCCD 089078000430; Địa chỉ: Số B đường T, khu phố B cũ, nay là đường P, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VI (gọi tắt V2) có người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn V trình bày:

Công ty TNHH T (gọi tắt Công ty T) đã vay vốn tại V2 theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023, cụ thể như sau:

Số tiền cho vay: 526.320.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng. Mục đích: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 0899.10.22/STF-KD.

Công ty T vay vốn tại V2 với tổng số tiền nhận nợ là 526.320.000 đồng, được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 170223-9448607-AUTO-1 ngày 17/02/2023. Thời hạn nhận nợ theo khế ước là 60 tháng, tính từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/02/2028. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12,5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/02/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 60 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty Đ1 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, màu xanh dương, số khung: RL2UMFC50PCR39425, số máy: P02SRPC39425, biển kiểm soát: 51D-777.12 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số BLCN/01 ngày 15/02/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên khoản vay đã chuyển quá hạn. V2 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản bảo

đảm nhưng Công ty Đ2 trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khoản nợ chuyển quá hạn từ ngày 15/8/2025 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định. Công ty T đã thanh toán cho V2 số tiền gốc 262.389.836 đồng, tiền lãi 119.174.103 đồng, tổng cộng 381.563.939 đồng.

Tạm tính đến ngày 01/7/2026, Công ty T còn nợ: Nợ gốc 263.930.164 đồng, nợ lãi 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, tổng cộng 311.734.059 đồng.

Nguyên đơn V2 yêu cầu giải quyết:

Buộc Công ty T phải trả ngay một lần cho V2 tổng số nợ còn thiếu tính đến hết ngày 01/7/2026 là: Nợ gốc 263.930.164 đồng, nợ lãi 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, tổng cộng 311.734.059 đồng.

Kể từ ngày 02/7/2026, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty T không thanh toán thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, màu xanh dương, số khung: RL2UMFC50PCR39425, số máy: P02SRPC39425, biển số: 51D-777.12 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023.

Trường hợp Công ty T không thanh toán thì ông Nguyễn Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký với V2.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn Công ty T, nhưng bị đơn vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng ông Đ vắng mặt, không có lý do, không có trình bày ý kiến.

Do bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **V** giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn **Công ty T** vắng mặt. Ông **Nguyễn Văn Đ** vừa là người đại diện theo pháp luật của bị đơn vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V1** khởi kiện **Công ty T** phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. **Công ty T** là bị đơn có địa chỉ trụ sở tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn **Công ty T**; tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông **Nguyễn Văn Đ** là người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Bị đơn Công ty T; ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến tòa, họ đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 01/7/2026, nợ gốc 263.930.164 đồng, nợ lãi 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, tổng cộng 311.734.059 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hồ sơ tín dụng ngày 15/02/2023; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023 và Khế ước nhận nợ số 170223-9448607-AUTO-1 ngày 17/02/2023 thể hiện các bên có quan hệ tín dụng với các nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Số tiền vay 526.320.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/02/2028, mục đích vay là mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 0899.10.22/STF-KD. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12,5%/năm, được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/02/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 60 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00%/năm. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 17/02/2023, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 526.320.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 170223-9448607-AUTO-1 ngày 17/02/2023, vào số tài khoản của Công ty Cổ phần Đ3, số tài khoản 5050316200171 tại Ngân hàng

V2 – Chi nhánh G. Thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán số tiền gốc 262.389.836 đồng, còn nợ 263.930.164 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 263.930.164 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng cho vay và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Do Công ty Đ4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 15/8/2025, căn cứ khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay: mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp; tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/7/2026, nợ lãi trong hạn và quá hạn 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ này là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gồm: Nợ gốc 263.930.164 đồng, nợ lãi 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, tổng cộng 311.734.059 đồng đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu Công ty T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2026 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, màu xanh dương, số khung: RL2UMFC50PCR39425, số máy: P02SRPC39425, biển kiểm soát: 51D-777.12 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023 mang tên Công ty TNHH T1 Tài sản thế chấp đã thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 17/02/2023.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2026: tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, biển kiểm soát: 51D-777.12 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023 vào thời điểm Tòa án cùng địa phương đến địa chỉ 2 đường P, phường T, Thành phố hồ Chí Minh

nhà khóa cửa, không có ai ở nhà nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được.

Trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nêu trên là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng thế chấp ngày 14/5/2024.

[2.5] Trường hợp Công ty Đ5 hết nợ thì nguyên đơn phải trả lại cho Công ty Đ6: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023.

[2.6] Nguyên đơn yêu cầu trường hợp Công ty T không thanh toán thì ông Nguyễn Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng bảo lãnh số BLCN/01 ngày 15/02/2023 có chữ ký của bên bảo lãnh ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng bảo lãnh này có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 336, Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 1, Điều 2 của hợp đồng bảo lãnh nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty T không thanh toán thì ông Nguyễn Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V1 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 15.586.703 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 7.126.084 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V1** các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/7/2026), bao gồm: Nợ gốc 263.930.164 đồng, nợ lãi 47.596.429 đồng, nợ lãi chậm trả 207.466 đồng, tổng cộng 311.734.059 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, **Công ty TNHH T2** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà **Công ty TNHH T** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V1** theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp **Công ty TNHH T** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông **Nguyễn Văn Đ** có nghĩa vụ trả số nợ trên cho **Ngân hàng TMCP V1** theo Hợp đồng bảo lãnh số BLCN/01 ngày 15/02/2023.

Trường hợp **Công ty TNHH Đ4** thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý,

phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER, màu xanh dương, số khung: RL2UMFC50PCR39425, số máy: P02SRPC39425, biển số: 51D-777.12 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023, theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 170223-9448607-AUTO-1/HĐ ngày 17/02/2023.

Trường hợp Công ty TNHH Đ5 hết nợ thì Ngân hàng TMCP V1 có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH Đ6: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50213654 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 06/02/2023.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V1 theo hợp đồng bảo lãnh số BLCN/01 ngày 15/02/2023.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải nộp án phí là 15.586.703 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại Ngân hàng TMCP V1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.126.084 đồng theo Biên lai thu số 0010585 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM ;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM ;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc